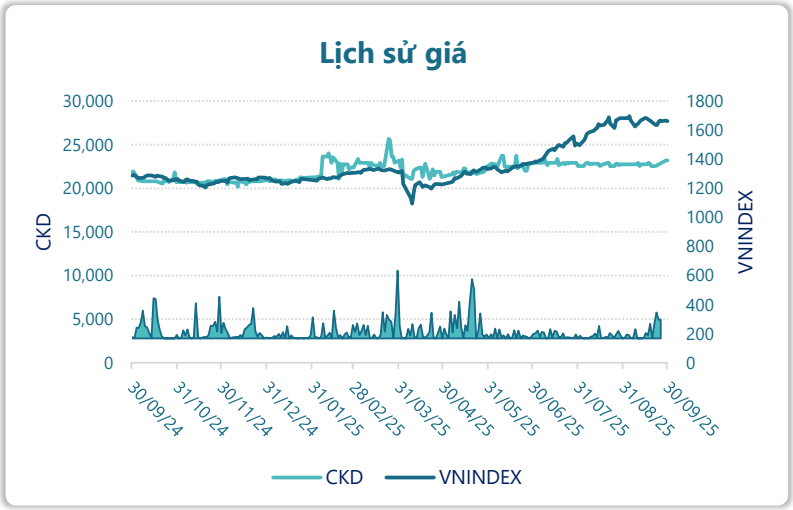
FireAnt

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,667
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,167
SL cổ phiếu LH	31,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,400
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	784
P/E	21.2
EPS	1,191

DT thuần

Q3/25

321

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 98.0| 43.8%

YoY: ▲ 112| 53.4%

LN sau thuế

Q3/25

8.02

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.48| -35.8%

YoY: ▼73.1| -90.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.5%

+/- YoY: ▼ 36.3%

DT thuần

9T 2025

748

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 77.0| 11.4%

LN sau thuế

9T 2025

23.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼60.9| -71.9%

ROE

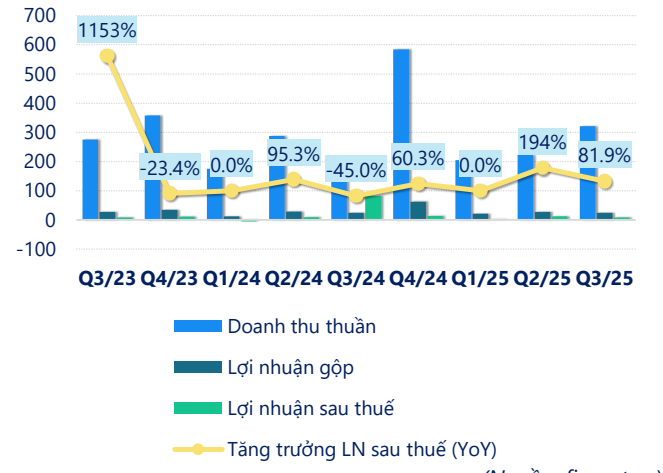
Q3/25

7.3%

+/- YoY: ▼ 11.5%

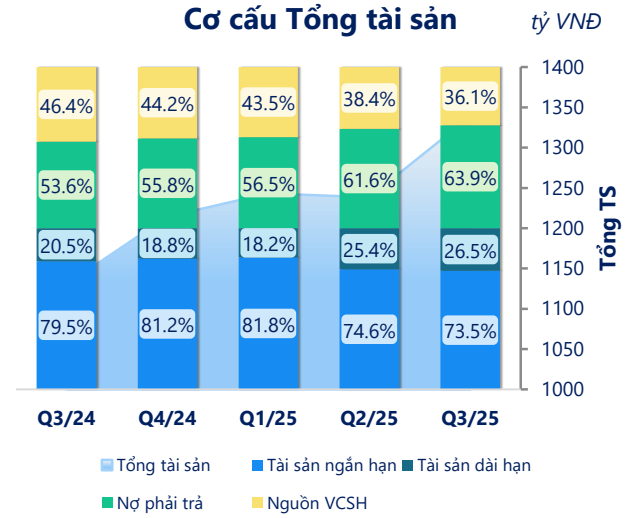
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



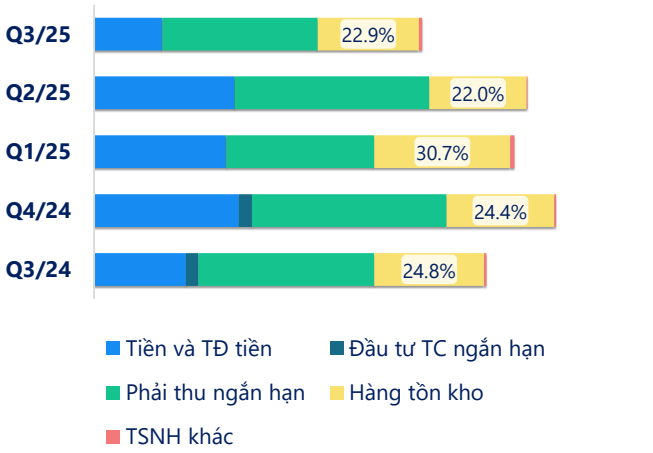
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



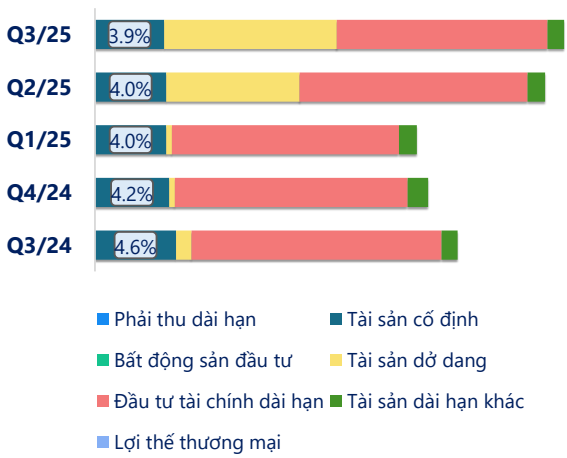
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



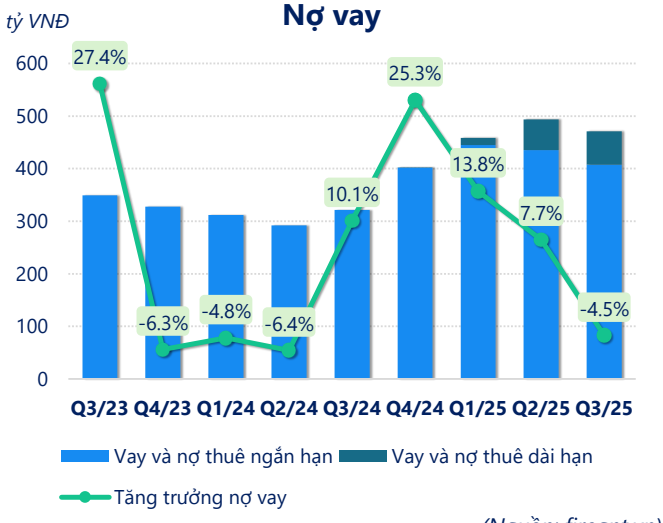
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



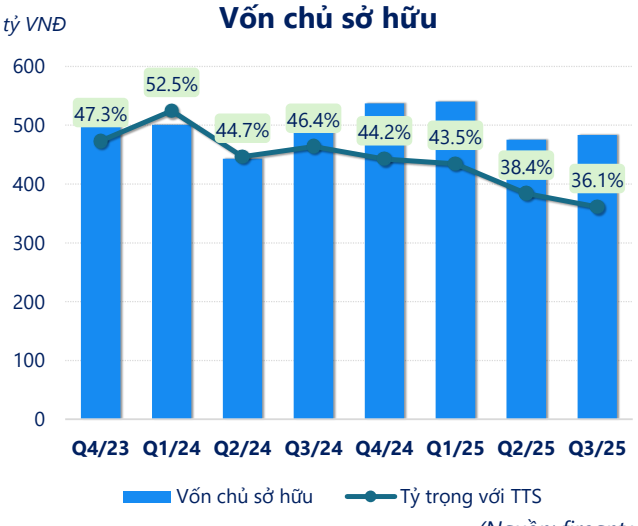
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



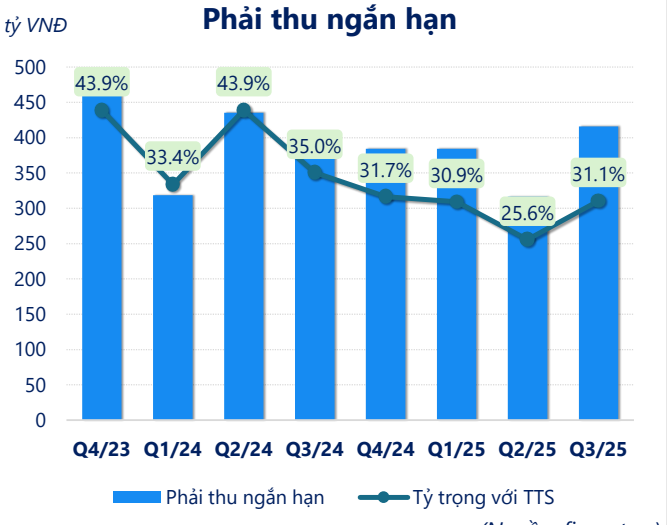
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



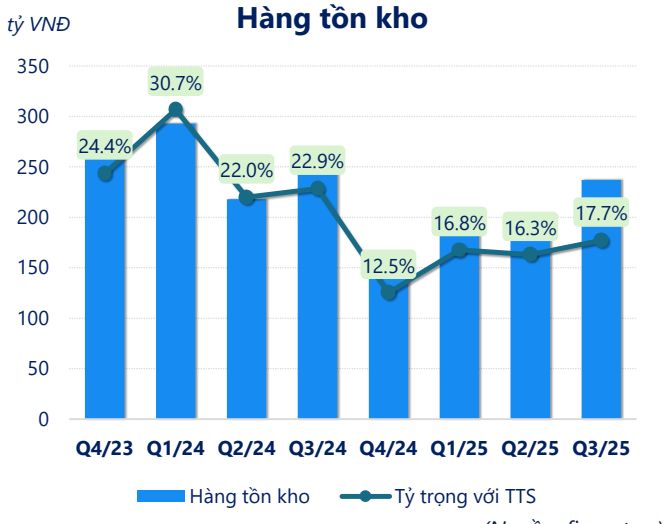
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



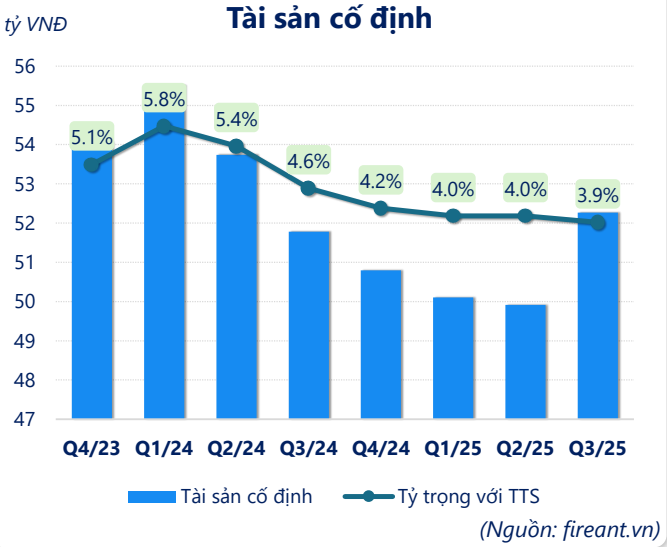
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



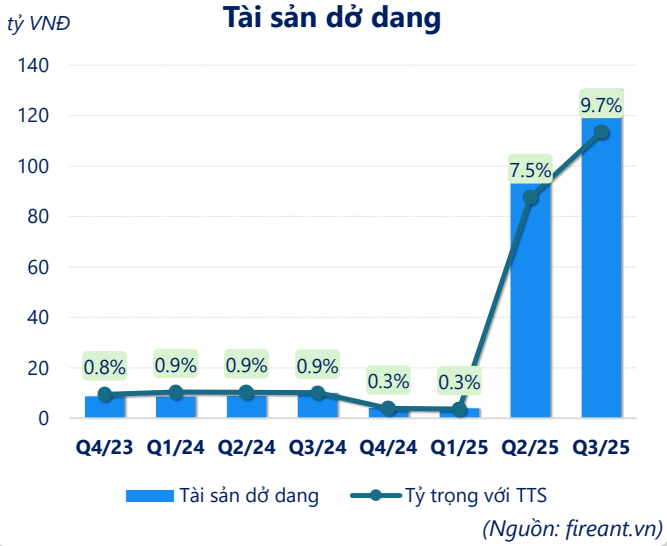
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



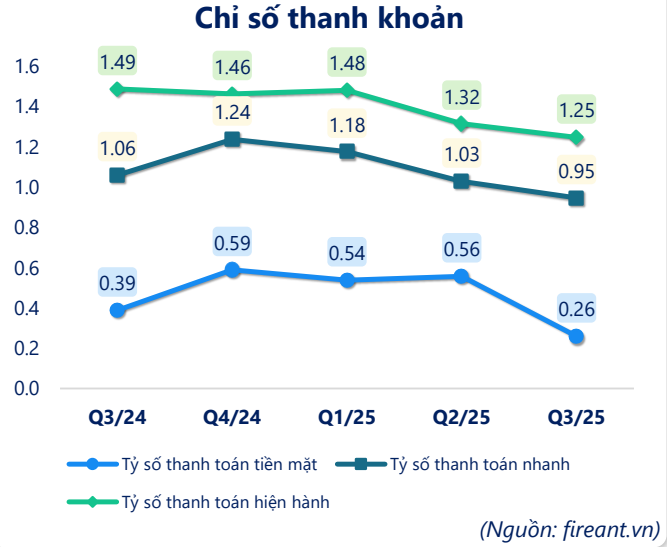
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



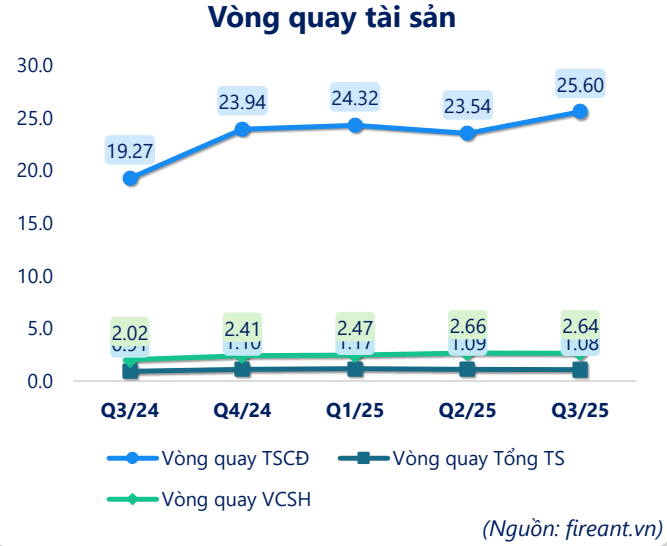
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,130**	**1,214**	**1,243**	**1,238**	**1,339**
Tài sản ngắn hạn	**899**	**986**	**1,017**	**924**	**984**
Tiền và tương đương tiền	234	397	370	392	205
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.30	51.3	51.3	1.30	111
Phải thu ngắn hạn	396	384	384	317	416
Hàng tồn kho	258	152	209	202	237
Tài sản ngắn hạn khác	8.92	1.01	3.39	12.5	15.4
Tài sản dài hạn	**231**	**228**	**226**	**315**	**354**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	51.8	50.8	50.1	49.9	52.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.89	4.05	3.89	93.1	130
Đầu tư tài chính dài hạn	159	159	159	159	159
Tài sản dài hạn khác	10.2	14.1	12.6	12.4	12.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**606**	**677**	**703**	**763**	**855**
Nợ ngắn hạn	**604**	**674**	**687**	**702**	**789**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	321	402	445	435	408
Phải trả người bán ngắn hạn	101	165	103	78.2	172
Nợ dài hạn	2.20	3.57	15.8	61.4	66.3
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.88	13.4	58.2	63.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**524**	**537**	**540**	**475**	**483**
Vốn chủ sở hữu	**524**	**537**	**540**	**475**	**483**
Vốn điều lệ	310	310	310	310	310
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)